TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/ HNGĐ-ST
Ngày: 17-8 -2021
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và Ông Hoàng Văn Ninh
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2021/HNGĐ - ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa:
- Nguyên đơn: Chị Mai Thị P, sinh năm 1991
HKTT: Xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ hiện nay: Thôn Y, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
- Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1985
Địa chỉ: Xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Mai Thị P trình bày giữa chị và anh Lê Văn D đăng ký kết hôn ngày 18/12/2015 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không có chính kiến trong cuộc sống vợ chồng, nghe lời bố mẹ đẻ, chị P và bố mẹ chồng có nhiều va chạm, bất đồng, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, anh, chị đã sống mỗi người một nơi từ tháng 01 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về phần con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau, tên cháu là Lê Mai Ngọc D1, sinh ngày 18/5/2017, hiện tại cháu đang ở cùng chị P tại thôn Y, xã D, huyện T. Ly hôn, nguyện vọng của chị P xin được nuôi cháu D1, tại đơn ly hôn và bản tự khai chị P yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng, nhưng tại phiên tòa chị chỉ yêu cầu 2.000.000đ/ tháng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Nghề nghiệp của chị là giáo viên trường mầm non Naruto, phố Bà Triệu, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, mức lương 6.900.000đ (sáu triệu, chín trăm nghìn đồng)/ tháng. Chị xét thấy đủ điều kiện để nuôi dạy con. Nghề nghiệp của anh D là kỹ sư xây dựng, lương tháng khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ/ tháng.

Về tài sản và phần nợ: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lê Văn D trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện như chị P đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, kinh tế khó khăn nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo, không quan tâm đến nhau. Anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh D trình bày vợ chồng anh, chị có 01 người con, tên cháu là Lê Mai Ngọc D1, sinh ngày 18/5/2017, hiện nay cháu đang ở cùng chị P. Ly hôn anh D đồng ý giao cháu D1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ đoáng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản và phần nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị P. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị P ly hôn anh Lê Văn D; Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Lê Mai Ngọc D1, anh D có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh D không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Mai Thị P và anh Lê Văn D đăng ký kết hôn ngày 18/12/2015 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 80/2015. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, chưa thực sự yêu thương, chia sẻ với nhau, mặc khác nhiều mâu thuẫn cũng xuất phát từ mối quan hệ mẹ chồng, nàng dâu. Mâu thuẫn này là nguyên nhân của va chạm khác, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh, chị đã không quan tâm đến nhau từ tháng 01/2021 đến nay. Chị P và anh D đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Xét nguyện vọng của chị và anh D thì thấy: Vợ chồng anh, chị đã ở mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị P.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau. Hiện tại cháu Lê Mai Ngọc D1 đang ở cùng chị P. Ly hôn, anh, chị đều có nguyện vọng giao cháu D1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng 2.000.000đ/ tháng, việc cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 6 năm 2021.

Vì vậy để đảm bảo sự ổn định, phát triển tâm sinh lý của cháu Ngọc D1, giao cháu D1 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 2.000.000đ/ tháng kể từ tháng 6/2021 đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị Mai Thị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 và Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điểm a, khoản 6 Điều 27 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ

ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị P. Xử cho chị P được ly hôn anh Lê Văn D.

Về con chung: Giao cháu Lê Mai Ngọc D1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, chị P không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu bé, thì anh D có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Mai Thị P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2016/0001385 ngày 18 tháng 05 năm 2021 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, chị P đã nộp đủ. Anh Lê Văn D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố cho chị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Khuyến Nông*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Anh **Hoàng Văn Ninh** **Lê Thị Thủy**